

Tên chủ xe (Owner's full name):

Số máy (Engine N^o):

VPDD NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VN 1TR-6603937

Địa chỉ (Address):

Số khung (Chassis N^o):

79A Hàm Nghi P. NTB Q. 1

43G789250356

Nhãn hiệu (Brand):

TOYOTA

Tên động cơ (B. of E.): **1TR-FE**

Loại xe (Type):

Ôtô con

Dung tích (Capacity): **1998**

Màu sơn (Color):

Đen

Công suất (Horsepower): **100**

Năm sản xuất (Year of manufacture): **2008**

Tự trọng (Empty weight): **1530**

Kích thước bao: -Dài (Length): m; Rộng (Width): m; Cao (Height): m

Overall dimension

4,555

1,770

1,745

Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit): đứng (Stand): nằm (Lie): Hàng hoá: kg

Gross weight: Seat capacity

Goods:

Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm

Valid until date

Biển số đăng ký

Hồ Chí Minh, ngày (date) 19 tháng 08 năm 2008

(N^o Plate)

Trưởng phòng

52P-7185

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

19/08/2008



Võ Văn Văn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY'S PUBLIC SECURITY

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 071621

Mẫu 05 BH theo TT

số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DB 3181193

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **52P-7185**
(Registration Number)

Số quản lý: 5006V-008639
(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) INNOVA G TGN40L-GKMNKU

Số máy: (Engine Number) 1TR-6603937

Số khung: (Chassis Number) RL4XW43G-789250356

Năm, Nước sản xuất: 2008, Việt Nam
(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD:
(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) ☐ Cải tạo (Modification) ☐

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1510/1510 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4555 x 1770 x 1745 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)
(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2750 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1530 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2170/2170 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 8 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1998 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 100(kW)/5600(vp)

Số sê-ri: (No.) DB-3181193 D5236C33

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 205/65R15

2: 2; 205/65R15

TP. HCM, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Số phiếu kiểm định

(Issued on: Day/Month/Year)

(Inspection Report No)

5002S-41521/24

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 13/10/2025

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

(INSPECTION CENTER)

**ĐĂNG KIỂM
XE CƯ GIỚI
50-02S**



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph) ☐

Có lắp camera (Equipped with camera) ☐

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued) ☐

Ghi chú: